

Số: 788 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân
đến năm 2025.**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các Thủ trưởng Bộ Y tế;
- UBND, SYT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Y tế các ngành;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG



***Đào Hồng Lan**

KẾ HOẠCH

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 788 /QĐ-BYT ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII và Nghị quyết số 142/2016/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 -2020, Kế hoạch số 139/KH-BYT ngày 01/3/2016 của Bộ Y tế về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016 - 2020. Trong bối cảnh trong nước và thế giới có những yếu tố thuận lợi, khó khăn đan xen, ảnh hưởng đến phát triển của ngành y tế, được sự quan tâm của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, cấp ủy đảng và chính quyền các địa phương, với sự nỗ lực, tâm huyết của đội ngũ cán bộ y tế, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân đã đạt được kết quả toàn diện, các chỉ số y tế được cải thiện, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:

- Các chỉ số y tế tiếp tục được nâng lên, chỉ số bao phủ dịch vụ y tế của Việt Nam năm 2020 đạt 70 trên 100 điểm, cao hơn so với mức trung bình của khu vực Đông Nam Á (61 điểm) và của toàn cầu (67 điểm)¹.

- Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện². Tổ chức bộ máy, hệ thống các cơ sở y tế công lập địa phương được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả³.

- Mạng lưới y tế dự phòng được tổ chức rộng khắp trên toàn quốc gắn chặt với y tế cơ sở, năng lực được nâng cao. Thực hiện quyết liệt, bài bản, sáng tạo đề kiểm chế, kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt là dịch COVID-19. Quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng bước đầu được triển khai hiệu quả, an toàn thực phẩm, môi trường y tế, kiểm soát các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe có kết quả tích cực. Y tế cơ sở được tiếp tục củng cố, hoạt động được đổi mới.

¹ Báo cáo giám sát thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân do Tổ chức Y tế thế giới và Ngân hàng Thế giới thực hiện năm 2021.

² Đã tham mưu Ban chấp hành TW khóa XII ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 21-NQ/TW, Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện 02 Nghị quyết này; Quốc hội ban hành Luật Dược sửa đổi (2016), Luật Phòng chống tác hại của rượu bia (2019), Luật phòng, chống HIV/AIDS sửa đổi (2020). Cùng với hệ thống các văn bản dưới luật, đến nay đã có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương đối đầy đủ, điều chỉnh các hoạt động trong các lĩnh vực chuyên môn y tế.

³ Bộ Y tế đã giảm được 41% số phòng thuộc các Vụ, Cục, đang xây dựng quy hoạch các cơ sở y tế, sáp nhập một số đơn vị, xây dựng đề án chuyển một số cơ sở về địa phương quản lý; Ở địa phương 63/63 tỉnh, thành phố đã sắp xếp các đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng tuyến tỉnh thành Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, 56/63 tỉnh, thành phố đã sáp nhập TTYT và bệnh viện huyện thành Trung tâm Y tế đa chức năng.

- Chất lượng dân số từng bước cải thiện, duy trì bền vững mức sinh thay thế từ năm 2006, kiểm soát tốc độ tăng mất cân bằng giới tính khi sinh⁴, hạn chế tai biến sản khoa, giảm tử vong bà mẹ và trẻ em⁵.

- Năng lực, chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh được nâng lên. Từng bước giải quyết tình trạng quá tải bệnh viện tuyến trên, chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến được cải thiện rõ rệt. Nhiều dịch vụ y tế kỹ thuật cao, tiên tiến ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới được áp dụng. Đã hình thành 3 trung tâm y tế chuyên sâu tại TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Thừa Thiên - Huế. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y học hiện đại.

- Thực hiện bước đầu đổi mới đào tạo nguồn nhân lực y tế. Xây dựng và thực hiện các chuẩn năng lực đào tạo, quy định về đào tạo chuyên khoa đặc thù, thành lập Hội đồng Y khoa quốc gia. Nghiên cứu và ứng dụng thành công nhiều kỹ thuật tiên tiến, có hiệu quả trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán, điều trị bệnh.

- Cơ chế hoạt động, tài chính, giá dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập được đổi mới, nhiều bệnh viện công lập đã tự chủ được tài chính. Cơ bản đáp ứng nhu cầu thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế cho dự phòng, khám chữa bệnh. Công khai minh bạch giá thuốc, bước đầu công khai giá trang thiết bị, vật tư y tế.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý y tế, khám chữa bệnh, theo dõi sức khỏe người dân, quản lý hoạt động của trạm y tế xã, quản lý các cơ sở cung ứng thuốc, được xếp thứ 4 trong số các Bộ, ngành về mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; 100% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4.

2. Mặc dù vậy, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vẫn còn những hạn chế, yếu kém, đó là:

- Hệ thống văn bản pháp luật về y tế còn nhiều vướng mắc, chưa đầy đủ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát còn nhiều hạn chế do nhân lực mỏng.

- Chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế còn chênh lệch giữa các tuyến, vùng, miền⁶. Chưa thực hiện được chăm sóc toàn diện người bệnh. Vẫn còn tình trạng quá tải ở một số bệnh viện trung ương, thành phố lớn. Chưa phát huy tốt lợi thế của y học cổ truyền. Quản lý hành nghề y tư nhân còn hạn chế.

- Quản lý sức khỏe người dân chưa được thường xuyên, liên tục và có hiệu quả. Một số dịch bệnh lưu hành, kể cả có thể dự phòng bằng vắc xin như sởi, bạch hầu... chưa được kiểm soát hoàn toàn. Dịch bệnh AIDS đang diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng ở một số địa phương và một số nhóm nguy cơ. Tỷ lệ tiêm chủng ở một số vùng, nhóm dân tộc còn thấp, nhất là các nhóm dân

⁴ Duy trì mức sinh thay thế, ước năm 2020 là 2,08 con/phụ nữ, giảm so với mức 2,1 con/phụ nữ năm 2015.

⁵ Tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi trên 1000 trẻ đẻ sống giảm từ 22,1 ca năm 2015 xuống khoảng 20,4 ca năm 2020; Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống giảm từ khoảng 58 ca năm 2016 xuống 46 ca năm 2019.

⁶ Tình trạng chênh lệch chỉ số giữa các vùng chưa có cải thiện đáng kể. Khu vực Đông Nam bộ có chỉ số sức khỏe tốt nhất, trong khi khu vực Tây nguyên và Trung du miền núi phía Bắc có chỉ số sức khỏe thấp nhất. Năm 2019, mức chênh lệch giữa khu vực có chỉ số sức khỏe tốt nhất và thấp nhất là 5,9 năm đối với tuổi thọ trung bình, 2,8 lần đối với tỷ suất tử vong trẻ em và 2,4 lần đối với tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể nhẹ cân dưới 5 tuổi.

di cư. Phòng chống, quản lý các bệnh không lây nhiễm còn có những hạn chế. Truyền thông giáo dục sức khỏe để người dân chủ động thực hiện các biện pháp nâng cao sức khỏe còn chưa đáp ứng yêu cầu. Tình hình an toàn thực phẩm còn diễn biến phức tạp.

- Mức sinh giữa các vùng chênh lệch đáng kể, mất cân bằng giới tính khi sinh còn cao, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi còn hạn chế. Việc nghiên cứu, đề ra giải pháp, ban hành cơ chế chính sách đồng bộ phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng, chuẩn bị thích ứng với già hóa dân số còn chưa đầy đủ.

- Công nghiệp dược, thiết bị y tế chưa phát triển đáp ứng yêu cầu, phụ thuộc vào nguyên liệu ở nước ngoài. Quản lý giá, mua sắm đầu thầu trang thiết bị y tế, thuốc ở một vài nơi còn chưa chặt chẽ. Bán thuốc không theo kê đơn còn phổ biến.

- Phân bổ nhân lực y tế chưa hợp lý giữa các vùng, các tuyến, chất lượng còn yếu ở tuyến y tế cơ sở; đào tạo nhân lực, cấp phép hành nghề chưa tiếp cận theo chuẩn mực quốc tế. Thu nhập, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ y tế còn bất hợp lý, đời sống một bộ phận cán bộ y tế còn nhiều khó khăn.

- Việc thực hiện các quy định về giá dịch vụ y tế theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của nhà nước còn chậm, chưa tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế, triển khai xã hội hóa còn nhiều vướng mắc. Giải ngân vốn đầu tư công còn chậm. Hệ thống văn bản pháp luật chưa đầy đủ⁷; thanh kiểm tra còn hạn chế do nhân lực mỏng.

II. KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN ĐẾN 2025

1. Cơ hội và thách thức

1.1. Cơ hội

- Thế giới ngày càng khẳng định vai trò quan trọng hàng đầu của y tế công cộng, hướng tới chăm sóc sức khỏe người dân theo mô hình y học gia đình, hạn chế lưu trú tại bệnh viện. Điều trị không chỉ tập trung vào chữa bệnh mà phải chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng giúp cho hàng hóa và người lao động Việt Nam nói chung và trong lĩnh vực y tế nói riêng có cơ hội thâm nhập vào thị trường thế giới, đồng thời người dân có thêm nhiều cơ hội tiếp cận các cơ sở y tế nước ngoài có trang thiết bị và kỹ thuật tiên tiến ngay trong nước.

- Đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và dân số đối với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đầu tư cho sức khỏe công tác bảo

⁷ Một số quan hệ xã hội về y tế chưa có quy phạm pháp luật đồng bộ ở hình thức văn bản luật để điều chỉnh như an toàn truyền máu, dinh dưỡng cộng đồng, cộng đồng an toàn, nâng cao sức khỏe, ứng dụng tế bào gốc, quản lý trạng thiết bị y tế, chuyển đổi giới tính, phân bố, quy mô dân số...

vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và dân số được coi là đầu tư cho phát triển bền vững.

- Nước ta đang trong thời kỳ dân số vàng, kinh tế tiếp tục phát triển trong điều kiện chính trị và xã hội ổn định, người dân ngày càng quan tâm đến bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói chung, cơ chế cung cấp dịch vụ công và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập nói riêng đã có tiến bộ, thay đổi lớn.

- Cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư xây dựng, các phương tiện thông tin hiện đại phát triển nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng tiếp cận các cơ sở y tế cũng như các kiến thức về sức khỏe. Nhận thức và sự tham gia của người dân, các cấp ủy đảng, chính quyền vào công tác y tế, dân số ngày càng sâu rộng; sự phối hợp liên ngành ngày càng rộng rãi và hiệu quả.

2.2. Thách thức

- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân tăng lên do (i) gánh nặng bệnh tật kép với sự gia tăng tỷ trọng các bệnh không lây nhiễm trong khi các dịch bệnh truyền nhiễm vẫn còn nhiều thách thức; (ii) sự gia tăng của các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe như tình trạng già hóa dân số, biến đổi khí hậu, đô thị hóa, công nghiệp hóa, toàn cầu hóa, hành vi lối sống bất lợi cho sức khỏe; (iii) kinh tế phát triển dẫn đến mong đợi và nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng.

- Những năm gần đây, nhiều dịch bệnh mới nổi xuất hiện, đặc biệt là dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, khó lường, tác động đến các mặt của đời sống kinh tế - xã hội, chưa dự báo được thời điểm kết thúc, chưa thể đánh giá hết tác động của dịch COVID-19. Việt Nam nằm trong khu vực giao thương toàn cầu tập nập nhất về thương mại quốc tế, lao động di cư, khách du lịch... nên có nguy cơ cao về dịch bệnh.

- Bên cạnh mang lại nhiều cơ hội, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế cũng đặt ra nhiều thách thức như quản lý việc hành nghề của các cơ sở và nhân viên y tế nước ngoài ở Việt Nam; cạnh tranh trong sản xuất hàng hóa và cung ứng dịch vụ y tế trong nước với nước ngoài, người có thu nhập cao ra nước ngoài khám chữa bệnh; nguy cơ chảy máu chất xám trong ngành y tế ra nước ngoài.

- Về các yếu tố kinh tế - xã hội, mức chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa các khu vực và các nhóm đối tượng lớn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi khó khăn, cùng với nhiều tập quán còn lạc hậu dẫn đến bất bình đẳng về tình trạng sức khỏe, gánh nặng bệnh tật và khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Về yếu tố môi trường tự nhiên, Việt Nam là một trong 6 quốc gia chịu tác động lớn nhất của biến đổi khí hậu và là một trong 5 nước có rủi ro thiên tai cao nhất thế giới; ô nhiễm môi trường sống và làm việc đang ngày càng nghiêm trọng do tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ; ô nhiễm thực phẩm do sử dụng các hoá chất cấm trong nuôi trồng, chế biến thực phẩm vẫn là một vấn đề nhức nhối chưa được kiểm soát hiệu quả.

- Về các yếu tố hành vi, lối sống, tác động của các yếu tố theo hướng bất lợi cho sức khỏe vẫn còn nhiều thách thức như hút thuốc lá; lạm dụng rượu, bia; sử dụng ma túy, mại dâm; chế độ ăn không hợp lý; thiếu hoạt động thể lực.

- Về nhân khẩu học, quy mô dân số lớn và tiếp tục gia tăng; Việt Nam là một trong 10 nước có tỷ lệ già hóa dân số nhanh nhất thế giới; tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh còn ở mức cao; vấn đề di cư tự do chưa được kiểm soát tốt tạo áp lực lớn lên hệ thống y tế.

- Chi phí cho chăm sóc sức khỏe ngày càng lớn trong khi về cơ bản nước ta vẫn còn là một nước có mức thu nhập trung bình thấp, đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe còn thấp và các nguồn viện trợ nước ngoài cho Việt Nam giảm dần.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, góp phần nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về y tế, tập trung công tác xây dựng thể chế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, đặc biệt các chính sách đổi mới trong phát triển ngành. Từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật y tế, sắp xếp bộ máy quản lý và cung ứng dịch vụ y tế tinh gọn để tạo động lực thúc đẩy hệ thống y tế hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ trung ương đến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật, già hóa dân số, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; thay đổi phương thức chăm sóc sức khỏe cho người dân theo hướng thực hiện chăm sóc sức khỏe chủ động hướng tới phòng bệnh, sàng lọc chẩn đoán bệnh sớm và quản lý bệnh.

- Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường năng lực chuẩn bị và ứng phó với dịch bệnh, đặc biệt là phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và các bệnh truyền nhiễm mới nổi; ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, các tình huống khẩn cấp về y tế. Từng bước kiểm soát các yếu tố có hại đến sức khỏe liên quan đến ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn thực phẩm, lối sống và hành vi, nâng cao sức khỏe người dân, phòng chống và quản lý hiệu quả các bệnh không lây nhiễm.

- Chủ động duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tăng khả năng tiếp cận đến dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, sức khỏe sinh sản có chất lượng.

- Đổi mới công tác đào tạo, quản lý nguồn nhân lực y tế, nâng cao y đức, xây dựng cơ chế để đội ngũ cán bộ y tế được đãi ngộ xứng đáng. Bảo đảm cân đối hợp lý trong phân bổ, sử dụng nguồn nhân lực y tế giữa các vùng, các tuyến, giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh tật; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn y tế.

- Phát triển dược liệu, công nghiệp dược và thiết bị y tế. Bảo đảm đủ thuốc, vắc xin, trang thiết bị, sinh phẩm y tế với giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh của nhân dân. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy suất nguồn gốc.

- Tăng tỷ trọng chi tiêu công cho y tế, 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế, giảm chi tiêu tiền túi của hộ gia đình cho chăm sóc sức khỏe, nâng cao hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách và các nguồn lực cho y tế, ưu tiên nguồn lực từ ngân sách cho phát triển y tế dự phòng, y tế cơ sở, vùng nghèo, vùng khó khăn. Đẩy mạnh hợp tác công - tư, đầu tư tư nhân cho y tế, cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu, chất lượng cao.

- Xây dựng chiến lược truyền thông giáo dục sức khỏe và đẩy mạnh thực hiện các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi của người dân để người dân chủ động tham gia vào việc duy trì và tăng cường sức khỏe của cá nhân. Nâng cao vai trò và hiệu quả công tác phối hợp liên ngành, đẩy mạnh các hành động đa ngành trong chăm sóc sức khỏe.

III. CÁC CHỈ TIÊU Y TẾ CƠ BẢN

Các chỉ tiêu cơ bản của ngành y tế giai đoạn 2021-2025 bao gồm:

1. Các chỉ tiêu y tế trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 của Quốc hội, Chính phủ giao.

2. Các chỉ tiêu để theo dõi thực hiện các hoạt động ngành y tế.

(Danh mục các chỉ tiêu trong các phụ lục kèm theo).

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. củng cố năng lực chuẩn bị và ứng phó dịch bệnh, đổi mới y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp quyết liệt, đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi và kiểm soát dịch COVID-19; nâng cao năng lực phát hiện, giám sát, xét nghiệm, chẩn đoán và điều trị; thực hiện có hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ. Bảo đảm đủ vắc xin để tiêm phòng cho các đối tượng, bao gồm vắc xin cho trẻ em từ 6 tháng tuổi đến dưới 5 tuổi.

- Bảo đảm an ninh y tế; củng cố, đầu tư nâng cao năng lực cho y tế cơ sở về cơ vật chất, trang thiết bị để bảo đảm công tác phòng, chống dịch COVID-19;

tổ chức y tế tuyến xã theo quy mô dân số, bảo đảm vận hành thống nhất hệ thống các cơ sở y tế trên toàn quốc, kết hợp quân dân y trong công tác phòng chống dịch; xây dựng, triển khai mô hình cung cấp dịch vụ phòng chống dịch, y tế dự phòng tại trung tâm y tế tuyến huyện, mô hình tổ chức cung cấp dịch vụ tại cộng đồng về phòng chống dịch, y tế dự phòng tại trạm y tế xã.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng nguồn lực trong nước cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng, thực hiện tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn, nhất là ở các “vùng lõm” tiêm chủng. Tăng số vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng phù hợp với khả năng ngân sách. Đẩy mạnh công tác phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người, bệnh ký sinh trùng.

- Duy trì, củng cố thành quả về giảm tử vong mẹ, giảm tử vong trẻ em và cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người dân, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền và các nhóm đối tượng; nâng cao khả năng tiếp cận của người dân tới các dịch vụ có chất lượng về dự phòng, sàng lọc ở tuyến y tế cơ sở cũng như các dịch vụ khám chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa, nhi khoa; chú ý tới các can thiệp dự phòng và kiểm soát tốt các bệnh mạn tính không lây như đái tháo đường thai kỳ, ung thư đường sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người dân, đáp ứng các nhu cầu về chăm sóc sức khỏe sinh sản của các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như đồng bào dân tộc thiểu số, vị thành niên, người di cư, người khuyết tật, người cao tuổi, hướng đến đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững năm 2030.

- Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý, hạn chế các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; xây dựng thực đơn và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng tại trường học; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, kiểm tra sức khỏe theo độ tuổi.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu, "người gác cổng" của hệ thống y tế, hoạt động theo nguyên lý y học gia đình. Lập hồ sơ sức khỏe cá nhân, định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân để tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng dự phòng các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con, phát hiện và quản lý điều trị một số bệnh không lây nhiễm như tăng huyết áp, đái tháo đường, một số bệnh ung thư có thể dự phòng và sàng lọc phát hiện sớm. Đẩy mạnh thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng, chăm sóc dài hạn.

- Thực hiện có hiệu quả các nội dung về y tế trong các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam, Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe như ăn uống hợp vệ sinh, không hút thuốc lá, thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, đồ uống có cồn

khác; tăng cường vận động thể lực, thực hiện 10.000 bước chân mỗi ngày; tạo điều kiện tiếp cận đường đi bộ an toàn, không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục thể thao; tổ chức các chương trình, mô hình vận động thể lực tại cộng đồng, nơi làm việc, nhà trường.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và giảm muối trong khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng, nguồn nguyên liệu, khẩu vị của người Việt; thực hiện chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày vàng đầu đời theo Quyết định 1896/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Giám sát tình trạng suy dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng đầy đủ cho trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai; cung cấp thực phẩm dinh dưỡng để điều trị trẻ em suy dinh dưỡng cấp tính. Đảm bảo dinh dưỡng hợp vệ sinh, phù hợp điều kiện làm việc cho người lao động.

- Tăng cường giám sát môi trường lao động, giảm thiểu ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động; tăng tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ được khám, phát hiện bệnh nghề nghiệp; phòng chống bệnh nghề nghiệp và bệnh liên quan đến nghề nghiệp; chú trọng chăm sóc sức khỏe cho người lao động tại các khu công nghiệp. Đẩy mạnh công tác phòng chống tai nạn thương tích tại cộng đồng.

- Thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế; xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai biện pháp giám sát, dự phòng bệnh tật, các vấn đề về sức khỏe con người do ô nhiễm môi trường gây ra. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

2. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh

- Đẩy mạnh các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ở tất cả các tuyến; thực hiện lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm; tăng cường đào tạo, luân phiên hai chiều cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ; xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Phát triển kỹ thuật chuyên sâu, hiện đại trong một số lĩnh vực (tim mạch, chấn thương, ghép tạng...); đầu tư phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số vùng; xây dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh có tầm cỡ khu vực và thế giới, phấn đấu là một trong các nước có chất lượng dịch vụ cao để thu hút, kết hợp du lịch với chăm sóc y tế.

- Ban hành danh mục dịch vụ kỹ thuật các tuyến phải có đủ năng lực thực hiện, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến. Hoàn thiện hệ thống phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị y học hiện đại, y học cổ truyền, chuẩn hóa mã bệnh y học cổ truyền, y học hiện đại theo quốc tế. Ban hành tiêu chí đánh giá, thực hiện kiểm định độc lập chất lượng bệnh viện theo chất lượng phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Tập trung đẩy nhanh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế (BHYT), bệnh án điện tử. Đẩy mạnh thực hiện Đề án "Khám, chữa bệnh từ xa" giai đoạn 2020-2025 theo Quyết định số 2628/QĐ-BYT của Bộ Y tế để mọi người dân đều được quản lý, tư vấn, khám bệnh, chữa bệnh, hỗ trợ chuyên môn của các bác sỹ từ tuyến xã đến tuyến Trung ương; người dân được sử dụng dịch vụ y tế có chất lượng của tuyến trên ngay tại cơ sở y tế tuyến dưới.

- Củng cố, ổn định và phát triển bền vững mạng lưới chăm sóc sức khỏe bà mẹ-trẻ em/sức khỏe sinh sản. Tăng cường khả năng tiếp cận phổ cập và nâng cao chất lượng chăm sóc, đặc biệt là năng lực hồi sức cấp cứu sản khoa và sơ sinh của cán bộ y tế; năng lực cấp cứu ngoại viện và chất lượng chuyển tuyến của mạng lưới khám chữa bệnh sản, nhi.

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030 và các nhiệm vụ trọng tâm được Thủ tướng Chính phủ giao trong Quyết định.

3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân số, gắn dân số với phát triển.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp trong Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 (ban hành tại Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ) và các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện Nghị quyết 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Tiếp tục thực hiện vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

- Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cơ bản; Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng mở rộng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng; Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên; Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Phát triển

mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Tuyên truyền, phòng chống, hạn chế tới mức thấp nhất hiện tượng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống đối với đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa; đặc biệt đối với các dân tộc rất ít người.

- Phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế, khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư... được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả... Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội; cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

4. Phát triển nguồn nhân lực y tế và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ

- Đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn. Tổ chức thực hiện Hội đồng y khoa quốc gia, tổ chức thi, cấp chứng chỉ hành nghề có thời hạn phù hợp thông lệ quốc tế.

- Triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với đào tạo khối ngành sức khỏe ở các trình độ của giáo dục đại học giai đoạn 2020-2025, xây dựng và ban hành các chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành đào tạo khối ngành sức khỏe. Xây dựng hệ thống kiểm định chương trình đào tạo đặc thù trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe theo thông lệ quốc tế và triển khai có lộ trình phù hợp điều kiện Việt Nam.

- Thực hiện đãi ngộ xứng đáng đối với cán bộ y tế. Có các chính sách đủ mạnh để khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong....

- Đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ; tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ tuyển y tế cơ sở, đào tạo chuyên ngành y học hiện đại cho cán bộ y học cổ truyền kết hợp trong khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, xâm hại nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực dự phòng, điều trị, dược phẩm và trang thiết bị y tế, dược liệu, công nghệ sinh học. Tập trung đầu tư phát triển các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu, thành lập trung tâm nghiên cứu Y sinh học quốc gia gắn với Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia.

5. Phát triển sản xuất, cung ứng dược, trang thiết bị y tế; tăng cường quản lý an toàn thực phẩm

- Tăng cường sản xuất trang thiết bị y tế trong nước, trước mắt là các trang thiết bị y tế thông dụng, đồng thời từng bước đẩy mạnh sản xuất trang thiết bị y tế công nghệ cao.

- Đánh giá hiện trạng và nhu cầu trang thiết bị y tế tại cơ sở y tế các tuyến; rà soát, cập nhật danh mục trang thiết bị y tế thiết yếu, xây dựng cơ sở dữ liệu về trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế.

- Nâng cao năng lực mạng lưới kiểm chuẩn và kiểm định trang thiết bị y tế, Tăng cường khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị và hạ tầng y tế.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, hoàn thành và đưa vào sử dụng để tăng thêm số cơ sở y tế, giường bệnh, tập trung cho các chuyên khoa quá tải như tim mạch, ung bướu, chấn thương, sản nhi...

- Bảo đảm nguồn cung ứng thuốc có chất lượng, an toàn, hiệu quả cho công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường thực hiện Đề án Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam. Tăng cường các biện pháp phát hiện và thu hồi thuốc kém chất lượng, phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm. Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị y tế. Tăng cường đầu tư tập trung thuốc, thiết bị, hoá chất, vật tư y tế.

- Xây dựng chính sách phát triển công nghiệp dược theo hướng nâng cao năng lực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ để đẩy mạnh sản xuất thuốc trong nước, hướng tới xuất khẩu, xây dựng và phát triển các chuỗi nuôi trồng, chế biến dược liệu, nguyên liệu sản xuất dược theo quy mô công nghiệp.

- Đầu tư đủ nguồn lực để làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin thế hệ mới, vắc xin tích hợp nhiều loại trong một, cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêm chủng mở rộng trong nước, tiến tới xuất khẩu; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và sản xuất vắc xin để phòng chống COVID-19 và các bệnh dịch khác. Khuyến khích đầu tư sản xuất thuốc, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị, vật tư y tế, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị dược phẩm trong khu vực và trên thế giới.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, kiểm nghiệm, chứng minh tác dụng của các phương thức chẩn trị, điều trị không dùng thuốc, các bài thuốc, vị thuốc y học cổ truyền. Hỗ trợ phát hiện, đăng ký, công nhận sở hữu trí tuệ và thương mại hoá các bài thuốc y học cổ truyền; tôn vinh và bảo đảm quyền lợi của các danh y.

- Có chính sách đặc thù trong phát triển dược liệu, nhất là các dược liệu quý hiếm; ưu tiên đầu tư và tập trung phát triển các vùng chuyên canh, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

6. Cải thiện chất lượng thông tin y tế và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế

- Thực hiện Chương trình chuyên đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình chuyên đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế với mục tiêu, tầm nhìn là ứng dụng công nghệ số trong hầu hết các hoạt động, dịch vụ của ngành y tế; hình thành nền y tế thông minh với 3 nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh.

- Xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh. Xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Xây dựng và triển khai đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của trạm y tế xã, triển khai lập, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân và bệnh án điện tử và kết nối các thông tin, dữ liệu quản lý khác như khám, chữa bệnh BHYT, tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, quản lý một số thông tin cốt lõi (xây dựng và củng cố cơ sở dữ liệu thông tin kiểm kê nguồn lực, giám sát tỷ lệ tử vong và phân tích nguyên nhân tử vong...).

- Quản lý hồ sơ sức khỏe người dân, người khuyết tật, tích hợp dữ liệu tham gia, thanh toán BHYT với dữ liệu Bảo hiểm xã hội và mã số định danh công dân, mã cơ sở y tế đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước;

- Hoàn thành việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các nhà thuốc, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá cả thuốc được mua vào, bán ra và việc bán thuốc theo đơn trên toàn quốc.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế. Tăng cường sự tiếp cận của người dân/người bệnh đến các thông tin sức khỏe, y tế.

7. Đổi mới tài chính y tế và BHYT

- Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế để có nguồn lực triển khai toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới, hải đảo.

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Đề xuất việc tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hoá có hại cho sức khỏe như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng.

- Ngân sách nhà nước, BHYT bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Xây dựng cơ chế giá dịch vụ và cơ chế đồng chi trả phù hợp nhằm khuyến khích người dân khám, chữa bệnh ở tuyến dưới và các cơ sở y tế ở tuyến trên tập trung cung cấp các dịch vụ chuyên khoa, chuyên sâu và dịch vụ tuyến dưới không cung cấp.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các cơ sở y tế công lập theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị; giá dịch vụ y tế được tính đúng, tính đủ chi phí và có tích lũy để đầu tư phát triển, bảo đảm công khai, minh bạch, gắn với chất lượng dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện gói dịch vụ cho y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe tại tuyến y tế cơ sở.

- Đẩy mạnh đổi mới phương thức thanh toán BHYT, trong đó áp dụng phương thức thanh toán theo định suất đối với khám chữa bệnh ngoại trú và chăm sóc sức khỏe ban đầu, thanh toán theo ca bệnh hoặc theo nhóm chẩn đoán đối với khám chữa bệnh nội trú trên toàn quốc. Đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phối hợp các phương thức chi trả dịch vụ y tế khác nhau: khoán chi ngân sách, thanh toán theo định suất, chi trả dựa trên kết quả hoạt động, cấp ngân sách theo chương trình và chi trả theo phí dịch vụ đối với một số dịch vụ như sàng lọc phát hiện bệnh sớm... Sử dụng các phương thức thanh toán này để thay đổi hành vi cung ứng dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn lực y tế.

- Xây dựng chính sách để đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế (kể cả trong chăm sóc sức khỏe ban đầu), tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Các cơ sở y tế, cơ sở chăm sóc người cao tuổi hoạt động không vì lợi nhuận được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng tỷ lệ người tham gia BHYT, đặc biệt là người tham gia BHYT theo hộ gia đình, người làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động trong các doanh nghiệp thực hiện BHYT toàn dân. Nhà nước mua và hỗ trợ mua BHYT cho các đối

tượng chính sách xã hội, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người dân tộc thiểu số, người dân sống ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Điều chỉnh mức đóng BHYT phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, thu nhập của người dân và chất lượng dịch vụ, lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế và khả năng cân đối của quỹ BHYT. Điều chỉnh quyền lợi BHYT theo hướng bao gồm cả dự phòng, nâng cao sức khỏe và điều trị gắn với yếu tố chi phí - hiệu quả. Nâng cao năng lực, đổi mới công tác giám định BHYT để bảo đảm khách quan, minh bạch. Thực hiện các giải pháp đồng bộ chống lạm dụng, trục lợi, bảo đảm cân đối quỹ BHYT và quyền lợi của người tham gia BHYT, cơ sở y tế.

8. Đổi mới hệ thống tổ chức ngành y tế, tăng cường quản lý nhà nước về y tế từ trung ương đến địa phương

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn, đồng thời bảo đảm chỉ đạo thông suốt về chuyên môn. Hoàn thành và triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn. Rà soát, chuyển một số bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế về địa phương quản lý hoặc sắp xếp lại cho phù hợp với mô hình chuỗi bệnh viện.

- Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh và Trung ương thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật thế giới. Sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành hệ thống cơ quan kiểm soát dược phẩm và thực phẩm, trang thiết bị y tế phù hợp, hội nhập quốc tế.

- Tổ chức hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương; là cánh tay nối dài của Trung tâm y tế huyện đa chức năng trong đó dịch vụ cung cấp tại huyện cũng được cung ứng tại xã, giá dịch vụ đảm bảo như nhau và được quỹ BHYT chi trả.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đẩy mạnh phân cấp phân quyền cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ và các địa phương, gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm vi phạm. Công khai minh bạch trong mua sắm, đấu thầu, xã hội hóa.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của thanh tra ngành y tế. Tăng cường lực lượng, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực về thanh tra lĩnh vực y tế cho thanh tra viên, công chức thanh tra phù hợp với yêu cầu thực tế của đối tượng thanh tra và nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành.

- Phân tích kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính của Bộ Y tế, đánh giá, làm rõ những hạn chế, yếu kém; xác định nguyên nhân, trách nhiệm và đề ra các giải pháp để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Y tế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp

dịch vụ, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tại Bộ Y tế và các địa phương.

- Hoàn thành công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phấn đấu đạt 100% kế hoạch xây dựng các Đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Y tế, trong đó tập trung hoàn thành một số dự án Luật: Luật bảo hiểm y tế (sửa đổi), Luật dược (sửa đổi), Luật phòng bệnh, Luật trang thiết bị y tế; tiếp tục hoàn thiện và trình khi đủ điều kiện đối với Luật chuyên đổi giới tính; Luật dân số, Luật lấy ghép hiến mô, bộ phận cơ thể người (sửa đổi), Luật an toàn thực phẩm...

- Đẩy mạnh phối hợp liên ngành để giải quyết các vấn đề sức khỏe tại trung ương và các địa phương, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

9. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế

- Phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; tổ chức linh hoạt các mô hình kết hợp quân dân y trong phòng chống dịch bệnh và khám, chữa bệnh phù hợp với điều kiện từng nơi để cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh có chất lượng cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- Xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên, lực lượng huy động ngành y tế và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ; triển khai xây dựng quy hoạch khu sơ tán của Bộ Y tế theo Quyết định số 1998/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai Đề án nâng cao năng lực khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của các cơ sở y tế khu vực biên giới, biển đảo theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị. Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh quân dân y khu vực biên giới và các trạm y tế một số xã đảo có vị trí trọng yếu về quốc phòng an ninh; tiếp tục triển khai Đề án phát triển y tế biên, đảo.

- Triển khai công tác dự trữ quốc gia về y tế, sẵn sàng bảo đảm cho các tình huống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao năng lực của các cơ sở y tế, xây dựng các tổ, đội y tế cơ động, sẵn sàng ứng phó với thiên tai, bão lũ và các tình huống khẩn cấp khác.

10. Thực hiện công tác truyền thông y tế theo hướng chủ động, minh bạch, kịp thời, chính xác, hiệu quả

- Xây dựng chiến lược truyền thông giáo dục sức khỏe và thực hiện các hoạt động truyền thông cho cộng đồng cung cấp các kiến thức về sức khỏe nhằm thay đổi hành vi của người dân và chủ động tham gia vào việc duy trì và tăng cường sức khỏe của cá nhân.

- Thường xuyên cung cấp thông tin về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đảm bảo thông tin minh bạch, chính xác, đáp ứng nhu cầu thông tin chăm sóc sức khỏe của người dân.

- Triển khai các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe hướng đến đa dạng các nhóm đối tượng, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ truyền thông 4.0, mạng xã hội trong truyền thông giáo dục sức khỏe, phối hợp triển khai trong các chương trình, đề án y tế, sức khỏe.

- Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực và triển khai đồng bộ, ứng dụng hiệu quả truyền thông nguy cơ trong chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là trong các dịch, bệnh và các sự kiện y tế công cộng khẩn cấp.

11. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là ứng phó với đại dịch COVID-19. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực y dược.

- Chủ động đàm phán và thực hiện có hiệu quả các hiệp định hợp tác song phương và đa phương về y tế. Tích cực tham gia xây dựng các chính sách, giải quyết các vấn đề y tế khu vực và toàn cầu, nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của y học Việt Nam. Tăng cường quảng bá, đưa y dược cổ truyền Việt Nam ra các nước trên thế giới.

- Hải hoà hoá các thủ tục, quy trình với ASEAN, APEC và thế giới về y tế. Tăng cường xây dựng và áp dụng các chuẩn mực y tế trong nước theo hướng cập nhật với thế giới và khu vực. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về sức khoẻ.

V. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TOÀN NGÀNH

1. Dự toán ngân sách toàn ngành giai đoạn 2021-2025 là 802.673 tỷ đồng, bằng khoảng 7,7% tổng chi NSNN, trong đó:

2.1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

a) Toàn ngành ước khoảng 98.239,6 tỷ đồng, trong đó:

(i) Vốn trong nước: 76.258,4 tỷ đồng (Bộ Y tế 10.195,4 tỷ đồng, các Bộ, ngành 1.287 tỷ đồng, địa phương 74.776 tỷ đồng).

(ii) Vốn ODA: 21.981,2 tỷ đồng (Bộ Y tế: 8.571 tỷ đồng, các địa phương 13.410 tỷ đồng)

b) Bộ Y tế quản lý: 18.766,6 tỷ đồng: (i) Vốn trong nước: 10.195,4 tỷ đồng; (ii) Vốn nước ngoài: 8.571,2 tỷ đồng.

2.2. Chi thường xuyên giai đoạn 2021-2025

a) Ngân sách toàn ngành (chưa bao gồm kinh phí phòng chống dịch, vắc xin phòng COVID-19): Chi NSNN 704.433,7 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương: 132.100 tỷ đồng, ngân sách địa phương 572.333 tỷ đồng. Chi từ nguồn

thu dự kiến 923.447 tỷ đồng.

b) Ngân sách Bộ Y tế trực tiếp quản lý: 20.230 tỷ đồng.

(Phụ lục 4 chi tiết kèm theo).

VI. THEO DÕI, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Trên cơ sở các chỉ tiêu y tế được giao, Bộ Y tế đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và các chỉ tiêu được giao hàng năm, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch y tế cho năm tiếp theo.

2. Việc thu thập và công bố các chỉ tiêu tuân thủ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia. Những chỉ tiêu thuộc trách nhiệm tổng hợp, thu thập của Bộ Y tế cần phải được thu thập từ hệ thống thông tin y tế thường xuyên của ngành Y tế, kết hợp với các nguồn số liệu có độ tin cậy khác.

3. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch và các chỉ tiêu y tế tại tuyến tỉnh.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Y tế chịu trách nhiệm tổng thể trước Chính phủ việc triển khai thực hiện kế hoạch và các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

2. Căn cứ Kế hoạch này, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; y tế các Bộ, Ngành tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch hằng năm và báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ cho các cấp có thẩm quyền.

3. Đề nghị các Bộ, ngành, các tổ chức xã hội liên quan phối hợp với Bộ Y tế theo chức năng, nhiệm vụ trong triển khai, theo dõi và giám sát thực hiện kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Sở Y tế xây dựng kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt ban hành kế hoạch phù hợp với các chủ trương, đường lối và chính sách chung của Chính phủ về y tế, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

5. Vụ Kế hoạch - Tài chính theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch với Bộ Y tế theo quy định./.

Phụ lục 1
Các chỉ tiêu y tế trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 788 /QĐ-BYT ngày 13 / 02/2023 của Bộ Y tế)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	KH 2023	KH 2024	KH 2025
1	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	80	90	95
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế*	%	93,2	94,1	95,15
3	Số giường bệnh trên 10.000 dân (không bao gồm giường của TYT)*	Giường	32,0	32,5	33
4	Số bác sỹ trên 10.000 dân*	Người	12,0	14,0	15,0
6	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,0	1,0	1,0
7	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh*	Tuổi	73,8	74	74,5
7a	Trong đó, số năm sống khỏe mạnh				67
8	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai /100 bé gái	111,2	111,1	111
9	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,06	3,08	3,1
10	Số điều dưỡng trên 10.000 dân dân	Người	13,0	18,0	25
11	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	Ca			44
12	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	Ca	12	11,5	11,0
13	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	Ca	18,7	18,0	17,0
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	11,0	10,8	10,5
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi)	%	18,6	18,3	18
16	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030	%	65	70	75
17	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	>90	>90	>90
18	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sỹ làm việc	%	>95	>95	>95
19	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế (%)	%	>80	>80	>80
20	Tỷ lệ người lao động có nguy cơ được quản lý và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.	%	35	40	50
21	Tỷ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	95	98	100

* Các chỉ tiêu trong Nghị quyết đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Phụ lục 2
Các chỉ tiêu khác thuộc Kế hoạch 5 năm giai đoạn đến năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 788 /QĐ-BYT ngày 13 / 02/2023 của Bộ Y tế)

STT	Tên chỉ tiêu	Văn bản QH, CP, TTCP đã giao	Mục tiêu 2025
	Chỉ số đầu vào		
1	Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế lớn so với tổng chi tiêu hoặc tổng thu nhập	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	
1.1	Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế \geq 25% tổng chi tiêu hộ gia đình	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	1,8
1.2	Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế \geq 10% tổng chi tiêu hộ gia đình	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	10
	Chỉ số đầu ra/kết quả		
2	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	98
3	Tỷ lệ bao phủ các can thiệp điều trị cho người nghiện các chất ma túy	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	Tăng 30% so với 2015
4	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi từ 15-49 tuổi áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	>70
5	Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	- Quyết định 1092/QĐ-TTg duyệt Chương trình SKVN - Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	32
60	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên sử dụng rượu, bia tới mức nguy hại	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	Giảm 20% so với năm 2015
7	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch	Quyết định 1092/QĐ-TTg duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam	
	- Nông thôn		75
	- Thành thị		90
8	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	Quyết định 1092/QĐ-TTg duyệt Chương trình SKVN	
	- Nông thôn		85
	- Thành thị		>95
9	Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	Quyết định 659/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030	50%
10	Tỷ lệ các cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp được quản lý	Quyết định 659/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030	50%

STT	Tên chỉ tiêu	Văn bản QH, CP, TTCP đã giao	Mục tiêu 2025
	Chỉ số tác động		
11	Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi	- Nghị quyết số 20-NQ/TW	
	- Nam		167
	- Nữ		156
12	Tổng tỷ suất sinh (Số con bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	Nghị quyết số 21-NQ/TW	2,1
13	Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1000 trẻ đẻ sống	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	< 9,5
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	<5
15	Tỷ lệ nhiễm HIV mới được phát hiện hàng năm trên 100.000 dân	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	Giảm 40% so với năm 2015
16	Số ca mắc mới lao trên 100.000 dân	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	91
17	Số ca mắc mới sốt rét trên 1000 dân	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	0,08
18	Tỷ lệ tử vong do các bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Quyết định 681/QĐ-TTg về thực hiện mục tiêu phát triển bền vững	Giảm 20% so với năm 2015

Phụ lục 3
Các đề án thực hiện Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 788 /QĐ-BYT ngày 13 / 02 / 2023 của Bộ Y tế)

TT	Tên Đề án	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình	Cấp trình	Kết quả đầu ra
1	Luật bảo hiểm y tế (sửa đổi)	Vụ BHYT, Vụ Pháp chế	2023	Quốc hội	Luật
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dược	Cục Quản lý Dược	2024	Quốc hội	Luật
3	Luật Phòng bệnh	Cục Y tế dự phòng	2024	Quốc hội	Luật
4	Luật trang thiết bị y tế	Cục Cơ sở hạ tầng và Thiết bị y tế	2025	Quốc hội	Luật
5	Luật chuyên đôi giới tính	Vụ Pháp chế	Khi đủ điều kiện	Quốc hội	
6	Luật dân số	Tổng cục Dân số - KHHGD	Khi đủ điều kiện	Quốc hội	Luật
7	Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác	Vụ Pháp chế	Khi đủ điều kiện	Quốc hội	Luật
8	Luật an toàn thực phẩm (sửa đổi)	Cục An toàn thực phẩm	Khi đủ điều kiện	Quốc hội	Luật
9	Đề án thực hiện lộ trình chuyển một số bệnh viện trung ương trực thuộc Bộ Y tế về địa phương quản lý	Vụ Tổ chức cán bộ	2023	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
10	Đề án đảm bảo nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng.	Cục Quản lý dược	2023	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
11	Đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành cơ quan kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế.	Cục Quản lý dược	2023	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
12	Đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ dự phòng tuyến trung ương thành trung tâm kiểm soát dịch bệnh trung ương	Vụ Tổ chức cán bộ	2023	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
13	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở y tế, cơ sở chăm sóc người cao tuổi hoạt động không vì lợi	Tổng cục Dân số - KHHGD	2023	Chính phủ	Nghị định

TT	Tên Đề án	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình	Cấp trình	Kết quả đầu ra
	nhuận.				
14	Đề án về tổ chức kiểm định, đánh giá độc lập chất lượng dịch vụ y tế	Cục Quản lý khám, chữa bệnh	2024	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
15	Nghị định của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 117/2014/NĐ-CP quy định về y tế xã, phường, thị trấn	Vụ Tổ chức cán bộ	2023	Chính phủ	Nghị định